



Ký bởi: *.phuyen.gov.vn

Ngày ký: 21/02/2022 14:51:49 +0700

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Tỉnh Phú Yên

Số 3

Ngày 18 tháng 02 năm 2022

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

31/01/2022	Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND về việc Ban hành Quy chế làm việc trên môi trường điện tử đối với các cơ quan nhà nước của tỉnh Phú Yên	3
09/02/2022	Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2020/QĐUBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh	11
11/02/2022	Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên	14

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

21/01/2022	Quyết định số 119/QĐ-UBND Phê duyệt Đề án Tăng cường quản lý nhà nước trong hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	21
------------	---	----

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

27/01/2022	Quyết định số 176/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	28
------------	--	----

17/02/2022	Quyết định số 250/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường	69
------------	---	----

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2022/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 31 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế làm việc trên môi trường điện tử
đối với các cơ quan nhà nước của tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006; Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 34/2008/CT-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP, ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Nội vụ Quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 45/TTr-SNV ngày 21 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc trên môi trường điện tử đối với các cơ quan nhà nước của tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Làm việc trên môi trường điện tử

đối với các cơ quan nhà nước của tỉnh Phú Yên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03/2022/QĐ-UBND ngày 31/01/2022
của UBND tỉnh Phú Yên)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về những công việc, hoạt động của các cơ quan nhà nước của tỉnh được thực hiện trên môi trường điện tử (sau đây gọi là làm việc trên môi trường điện tử); phương thức làm việc trên môi trường điện tử và trách nhiệm của cơ quan nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công việc trên môi trường điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước của tỉnh (gọi chung là cơ quan), bao gồm:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

b) Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu giải quyết công việc trên môi trường điện tử với các cơ quan nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Lập hồ sơ điện tử” là việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm liên kết các tài liệu điện tử hình thành trong quá trình theo dõi, giải quyết công việc của cơ quan thành hồ sơ điện tử.

2. “Xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử” là việc cán bộ, công chức, viên chức tiến hành toàn bộ các bước trong quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc của cơ quan từ khâu tiếp nhận, xử lý văn bản, phát hành văn bản và lưu giữ văn bản, hồ sơ công việc trên không gian mạng và hệ thống thông tin, phần mềm cơ sở dữ liệu điện tử.

3. “Họp trực tuyến” là việc ứng dụng công nghệ kỹ thuật số để tổ chức các cuộc họp trên không gian mạng.

Điều 4. Nguyên tắc làm việc trên môi trường điện tử

1. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan nhưng không thực hiện trên môi trường điện tử các công việc, hoạt động có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu điện tử được Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư, trang bị hoặc sản phẩm được cơ quan thẩm quyền thẩm định, chứng nhận, công bố hợp chuẩn; chứng nhận đủ điều kiện an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

3. Xử lý văn bản, hồ sơ công việc của cơ quan trên môi trường điện tử đúng quy trình để bảo vệ an toàn, bảo mật thông tin và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân theo quy định của cơ quan thẩm quyền.

4. Thường xuyên kiểm tra, giám sát về an toàn thông tin, an ninh mạng trong quá trình sử dụng và kịp thời ứng phó, khắc phục sự cố về an toàn thông tin, an ninh mạng để bảo đảm thông suốt trong vận hành hệ thống, kịp thời khai thác, sử dụng văn bản và thông tin điện tử.

5. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong giao dịch điện tử, trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, trong hoạt động an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, trong bảo vệ bí mật nhà nước, trong quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan và trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

PHƯƠNG THỨC LÀM VIỆC TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 5. Các công việc, hoạt động của cơ quan được thực hiện trên môi trường điện tử

1. Soạn thảo, xử lý, ký số, phát hành, lưu giữ văn bản.

2. Lập và gửi các báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền.

3. Trao đổi thông tin, trao đổi văn bản trong nội bộ cơ quan, giữa các cơ quan với nhau và giữa cơ quan với tổ chức, cá nhân khác thuộc khu vực tư nhân.

4. Niêm yết công khai các văn bản, tài liệu theo quy định của pháp luật về công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan.

5. Giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

6. Mã hóa tài liệu các cuộc họp để các thành viên dự họp truy cập vào hệ thống phần mềm hoặc quét mã QR Code để xem tài liệu nhằm khắc phục việc sử dụng văn bản giấy tờ trong phòng họp;

7. Khuyến khích tổ chức các cuộc họp, hội nghị trực tuyến.

Điều 6. Các hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu điện tử được sử dụng để làm việc trên môi trường điện tử

1. Sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu điện tử do Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền triển khai, ứng dụng, gồm:

a) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

b) Hệ thống Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

c) Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

d) Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

đ) Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh và các phương tiện điện tử công vụ khác.

e) Hệ thống dịch vụ tin nhắn ngắn (SMS).

g) Hệ thống hội nghị trực tuyến, các giải pháp hội nghị trực tuyến khác do Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai sử dụng.

h) Các Hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu điện tử khác phục vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực.

2. Cơ quan sử dụng mạng xã hội Zalo trong các trường hợp sau đây:

a) Để thực hiện tuyên truyền, thông báo các chính sách, quy định của tỉnh, của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quyền lợi và trách nhiệm của người dân, tổ chức; tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân và tổ chức ngoài khu vực nhà nước; hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính.

b) Gửi tin nhắn thông báo thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; thông báo hẹn giờ hướng dẫn, giải quyết công việc cho người dân trong trường hợp người dân đăng ký nhận thông báo qua tài khoản mạng xã hội Zalo.

c) Trước khi cơ quan tạo tài khoản trên mạng xã hội Zalo thì phải có văn bản thông báo với Sở Thông tin và Truyền thông về việc cơ quan sử dụng mạng xã hội, với các thông tin cơ bản như sau: Tên tài khoản của cơ quan trên mạng xã hội sử dụng (sử dụng tên đầy đủ của cơ quan để làm tên người dùng), đăng ký xác thực số điện thoại liên lạc, tên miền của trang thông tin điện tử của cơ quan, mục đích sử dụng mạng xã hội và các thông tin khác có liên quan (nếu có).

Điều 7. Giá trị của các văn bản, thông tin được trao đổi, cung cấp, thực hiện trên môi trường điện tử

Các văn bản, thông tin được cung cấp, trao đổi, thực hiện thông qua các hệ thống thông tin, phần mềm cơ sở dữ liệu điện tử theo quy định tại Điều 6 Quy chế này có giá trị pháp lý như sau:

1. Đối với văn bản điện tử: Giá trị pháp lý của văn bản điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước và Điều 5 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

2. Đối với hình thức thông tin khác (không phải văn bản điện tử): có giá trị là thông tin của cơ quan nhà nước trao đổi, tuyên truyền, phổ biến trên môi trường điện tử cho các tổ chức, cá nhân biết.

Điều 8. Thời điểm gửi/nhận văn bản, thông tin trên môi trường điện tử

1. Đối với văn bản điện tử được gửi/nhận qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh: thực hiện theo Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên được ban hành kèm theo Quyết định số 55/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Đối với thông tin gửi qua hệ thống dịch vụ tin nhắn ngắn (SMS), thư điện tử công vụ và qua mạng xã hội Zalo:

a) Thời điểm gửi thông tin cho cá nhân là thời điểm mà thông tin đó được gửi thành công trên tài khoản sử dụng của cơ quan hoặc của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan phát hành.

b) Thời điểm cá nhân nhận thông tin là thời điểm thông tin đó được nhập (tự động) vào tài khoản sử dụng của bên nhận.

3. Đối với thông tin gửi qua hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh và các phương tiện điện tử công vụ khác trong nội bộ cơ quan nhà nước hoặc giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh:

a) Thời điểm gửi thông tin cho tổ chức, cá nhân là thời điểm mà thông tin đó được gửi thành công trên tài khoản sử dụng của cơ quan hoặc của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan phát hành.

b) Thời điểm tổ chức, cá nhân nhận thông tin là thời điểm thông tin đó được nhập (tự động) vào tài khoản sử dụng của bên nhận. Nếu thời điểm thông tin nhập vào tài khoản sử dụng của bên nhận ngoài thời gian làm việc hành chính nhà nước thì thời điểm tiếp nhận thông tin đến được tính là thời điểm bắt đầu giờ làm việc hành chính của ngày làm việc liền sau.

Điều 9. Thông báo nhận, trả lại văn bản, thông tin trên môi trường điện tử

1. Đối với văn bản điện tử được gửi/nhận nhận qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh: thực hiện theo Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 55/2019/QĐ-UBND.

2. Đối với thông tin gửi/nhận qua hệ thống dịch vụ tin nhắn ngắn (SMS), thư điện tử công vụ và qua mạng xã hội Zalo:

a) Cài đặt chức năng trả lời tự động đã nhận thông tin cho người gửi biết.

b) Nếu nội dung thông tin không thuộc phạm vi giải quyết của cơ quan thì trong thời hạn 02 giờ làm việc hành chính tiếp theo kể từ khi nhận thông tin, cơ quan nhận thông tin phải phản hồi cho người gửi biết về việc cơ quan không có trách nhiệm giải quyết nội dung thông tin này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CÁ NHÂN, CƠ QUAN KHI LÀM VIỆC TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 10. Trách nhiệm cá nhân mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan

1. Sử dụng hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu điện tử được sử dụng để làm việc trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 6 Quy chế này để thực hiện, tham mưu lãnh đạo cơ quan thực hiện các công việc, hoạt động công vụ theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Bắt buộc sử dụng hộp thư điện tử công vụ được cấp hoặc hệ thống quản lý văn bản và điều hành để thực hiện trao đổi văn bản, thông tin điện tử trong nội bộ cơ quan và với tổ chức, cá nhân khác trong hệ thống cơ quan nhà nước của tỉnh trong quá trình thực thi công vụ. Thường xuyên kiểm tra hộp thư công vụ cá nhân, tài khoản cá nhân trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành để tiếp nhận, nắm bắt nội dung, xử lý công việc và hồi đáp các phản ánh, ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Tự bảo quản thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, cá nhân được giao quản lý sử dụng để ký số các văn bản điện tử do cơ quan ban hành và tự quản lý, bảo mật mật khẩu đăng nhập của cơ quan, của cá nhân vào các hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu điện tử được sử dụng để làm việc trên môi trường điện tử. Kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền, nhà cung cấp dịch vụ và thông báo đến các tổ chức, cá nhân biết khi tài khoản của cơ quan được giao quản trị hoặc tài khoản của cá nhân bị mất quyền kiểm soát, bị giả mạo, bị lợi dụng.

4. Trong trường hợp được cơ quan giao làm quản trị tài khoản mạng xã hội Zalo của cơ quan thì phải chịu trách nhiệm quản lý nguồn thông tin đăng tải trên tài khoản mạng xã hội Zalo của cơ quan; thường xuyên kiểm tra các thông tin tương tác trên tài khoản mạng xã hội Zalo của cơ quan để kịp thời phúc đáp cá nhân, tổ chức đối với các thông tin thuộc phạm vi giải quyết của cơ quan.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan

1. Sử dụng hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu điện tử được sử dụng để làm việc trên môi trường điện tử theo quy định tại Điều 6 Quy chế này để thực hiện các công việc, hoạt động công vụ của cơ quan theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Cơ quan chủ quản hệ thống thông tin, cơ quan vận hành hệ thống thông tin, phần mềm cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh có trách nhiệm hỗ trợ các sở, ngành, đơn vị trong việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số; bảo đảm kết nối, chia sẻ, trao đổi thông tin giữa các cơ quan nhà nước và giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, cá nhân được thông suốt, an toàn, thuận tiện.

3. Không sử dụng các hệ thống thông tin, phương tiện điện tử ngoài quy định Điều 6 Quy chế này để thực hiện trao đổi văn bản, thông tin điện tử của cơ quan qua môi trường điện tử, ngoại trừ được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép đối với từng trường hợp cụ thể hoặc pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

4. Không gửi thêm văn bản giấy cho các cơ quan của tỉnh đối với các loại văn bản điện tử, tài liệu điện tử, hồ sơ điện tử đã được ký chữ ký số và gửi qua môi trường điện tử theo Quy chế này, ngoại trừ các văn bản, tài liệu, hồ sơ theo thuộc danh mục văn bản trao đổi dưới dạng văn bản điện tử gửi kèm văn bản giấy theo quy định của Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg và các quy định của pháp luật chuyên ngành khác liên quan.

5. Cung cấp thông tin trên mạng xã hội đồng bộ, thống nhất với thông tin đã được cung cấp trên các phương tiện truyền thông chính thống khác.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Người đứng đầu cơ quan:

a) Tổ chức quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý biết, thực hiện làm việc trên môi trường điện tử và có biện pháp triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung tại Quy chế này. Đồng thời, tuyên truyền, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bên ngoài khu vực nhà nước biết,

thực hiện khai thác, trao đổi thông tin với cơ quan mình thông qua môi trường điện tử theo quy định.

b) Hàng năm, lập dự toán và bố trí đủ kinh phí để đầu tư, trang bị phương tiện, phần mềm theo yêu cầu công việc để đảm bảo yêu cầu làm việc trên môi trường điện tử. Đảm bảo các điều kiện hạ tầng kỹ thuật phục vụ để làm việc trên môi trường điện tử; triển khai các biện pháp tổ chức, quản lý và xử lý kỹ thuật để đảm bảo an toàn, an ninh và bảo mật thông tin của cơ quan khi làm việc trên môi trường điện tử.

2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Tổ chức kiểm tra, theo dõi, đôn đốc thực hiện Quy chế này trên toàn tỉnh. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng tháng, kịp thời báo cáo đột xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Quy chế này.

b) Bổ sung các tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện làm việc trên môi trường điện tử vào hoạt động đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị vận hành hệ thống thông tin và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thực hiện rà soát, nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Cổng Dịch vụ công của tỉnh, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu làm việc trên môi trường điện tử của các cơ quan nhà nước của tỉnh.

b) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xác minh, làm rõ đối với trường hợp tài khoản mạng xã hội Zalo lấy tên cơ quan nhà nước của tỉnh đưa thông tin không đúng quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan hữu quan xem xét, xử lý theo quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật và hệ thống mạng diện rộng của tỉnh; ứng dụng các giải pháp kỹ thuật tăng cường quản lý, giám sát, vận hành các hệ thống thông tin và phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn và bảo mật. Định kỳ sao lưu cơ sở dữ liệu của tỉnh để kịp thời phục hồi khi có sự cố xảy ra.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Người đứng đầu cơ quan phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu nếu cơ quan thực hiện không nghiêm túc Quy chế này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc và cần sửa đổi, bổ sung Quy chế này, các cơ quan và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2022/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2020/QĐUBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh quy định khung giá, quản lý và sử dụng giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Phú Yên (được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012; Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT (tại Tờ trình số 288/TTr-SNN ngày 03 tháng 12 năm 2021; Báo cáo số 45/BC-SNN ngày 28 tháng 01 năm 2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2020/QĐUBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh quy định khung giá, quản lý và sử dụng giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Phú Yên được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước):

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh: Khung giá, quản lý, sử dụng giá dịch vụ sử dụng cảng cá và giá dịch vụ sử dụng cơ sở hạ tầng bên trong các cảng cá trên địa bàn tỉnh Phú Yên (được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước)”.

2. Bổ sung Điều 2a vào Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Quy định khung giá, quản lý và sử dụng giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh (được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước):

“Điều 2a. Khung giá dịch vụ sử dụng cơ sở hạ tầng bên trong các cảng cá trên địa bàn tỉnh (được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước):

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Khung giá dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT)
1	Khung giá sử dụng dịch vụ cơ sở hạ tầng bên trong cảng cá Phú Lạc		
	- Đối với khu vực đã được đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng (có mái che)	Đồng/m ² /năm	208.000-239.200
		Đồng/m ² /tháng	17.333-19.933
		Đồng/m ² /ngày	578-664
	- Đối với khu vực quy hoạch mặt bằng (chưa đầu tư hoàn chỉnh cơ sở vật chất, khi thuê mặt bằng nhà đầu tư tự đầu tư công trình)	Đồng/m ² /năm	80.000-105.800
		Đồng/m ² /tháng	6.667-8.817
		Đồng/m ² /ngày	222-294
2	Khung giá sử dụng dịch vụ cơ sở hạ tầng bên trong cảng cá Đông Tác		
	Đối với khu vực đã được đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng (có mái che)	Đồng/m ² /năm	600.000-793.500
		Đồng/m ² /tháng	50.000-66.125
		Đồng/m ² /ngày	1.677-2.204
3	Khung giá sử dụng dịch vụ cơ sở hạ tầng bên trong cảng cá Dân Phước		
	- Đối với khu vực đã được đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng (có mái che)	Đồng/m ² /năm	732.000-968.070
		Đồng/m ² /tháng	61.000-80.673
		Đồng/m ² /ngày	2.033-2.689
	- Đối với khu vực quy hoạch mặt bằng (chưa đầu tư hoàn chỉnh cơ sở	Đồng/m ² /năm	87.000-115.058
		Đồng/m ² /tháng	7.250-9.588

	vật chất, khi thuê mặt bằng nhà đầu tư tự đầu tư công trình)	Đồng/m ² /ngày	242-320
4	Khung giá sử dụng dịch vụ cơ sở hạ tầng bên trong cảng cá Tiên Châu		
	- Đối với khu vực đã được đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng (có mái che)	Đồng/m ² /năm	208.000-275.080
		Đồng/m ² /tháng	17.333-22.923
		Đồng/m ² /ngày	578-764
	- Đối với khu vực quy hoạch mặt bằng (chưa đầu tư hoàn chỉnh cơ sở vật chất, khi thuê mặt bằng nhà đầu tư tự đầu tư công trình)	Đồng/m ² /năm	92.000-121.670
		Đồng/m ² /tháng	7.667-10.139
		Đồng/m ² /ngày	256-338

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2022./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2022/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 11 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Tờ trình số 23/TTr-SNN ngày 26 tháng 01 năm 2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 02 năm 2022 và thay thế Quyết định số 409/2010/QĐ-UBND ngày 22/3/2010 của UBND tỉnh về ban hành Quy định tổ chức, hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã; Chủ

tịch Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Đồng Cam; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 05/2022/QĐ-UBND ngày 11/02/2022
của UBND tỉnh Phú Yên)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

2. Công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn khác thì tổ chức, cá nhân đó có trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo vệ theo đúng quy định hiện hành của nhà nước, đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống công trình thủy lợi liên huyện: Là hệ thống công trình thủy lợi có liên quan hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc 2 huyện, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh trở lên (sau đây gọi tắt là liên huyện).

2. Hệ thống công trình thủy lợi liên xã: Là hệ thống công trình thủy lợi có liên quan hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc từ 2 xã, phường, thị trấn trở lên (sau đây gọi tắt là liên xã). 3. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi: Là vị trí chuyển giao sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

1. Căn cứ vào quy mô, nhiệm vụ, tầm quan trọng và mức độ rủi ro vùng hạ du của công trình để phân cấp cho các cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Mỗi công trình, hệ thống công trình thủy lợi phải do một tổ chức hoặc cá nhân trực tiếp quản lý và tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước với hoạt động khai thác, kinh doanh của đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Việc tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phải bảo đảm tính hệ thống của công trình. Củng cố vững chắc mối quan hệ giữa các tổ chức, cá

nhân, hộ gia đình trong quá trình quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Bảo đảm an toàn và khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi trong việc tưới tiêu, cấp nước phục vụ các ngành sản xuất, dân sinh, kinh tế-xã hội và môi trường.

3. Mô hình tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phải phù hợp với tính chất, đặc điểm hoạt động, yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành và điều kiện cụ thể của từng vùng, từng địa phương.

4. Phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện đồng thời với việc củng cố, kiện toàn nâng cao năng lực tổ chức thủy lợi cơ sở. Nâng cao vai trò của chính quyền địa phương và người dân trong việc tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ, nhằm phát huy hiệu quả công trình thủy lợi. Đồng thời, thực hiện trên nguyên tắc phân cấp công trình nhưng không phân cấp lao động quản lý, khai thác công trình. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm sắp xếp, bố trí lao động hợp lý, phù hợp với tính chất kỹ thuật của từng công trình được giao quản lý, khai thác.

Điều 5. Điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi

1. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân khai thác công trình với tổ chức thủy lợi cơ sở là vị trí được xác định theo quy mô thủy lợi nội đồng.

2. Quy mô thủy lợi nội đồng được quy định theo diện tích tưới, tiêu thiết kế của khu vực tưới, tiêu như sau: Đối với xã miền núi nhỏ hơn hoặc bằng 50ha; đối với xã đồng bằng nhỏ hơn hoặc bằng 200ha.

3. Trường hợp không xác định được điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi thì bên cung cấp và bên sử dụng tự thỏa thuận.

Chương II PHÂN CẤP QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 6. Phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

1. UBND tỉnh quản lý các công trình thủy lợi quy định tại khoản 2 Điều này.

2. UBND tỉnh giao đơn vị có chức năng khai thác và bảo vệ các công trình đầu mối, các trục kênh chính và các công trình điều tiết nước có quy mô vừa và lớn thuộc hệ thống công trình thủy lợi liên huyện, liên xã có yêu cầu về quản lý, vận hành phức tạp theo phương thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ, cụ thể:

a) Đập, hồ chứa nước:

Hồ chứa nước có phạm vi phục vụ liên huyện, liên xã hoặc cấp hành chính tương đương. Hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 500.000m³ trở lên hoặc đập của hồ chứa nước có chiều cao từ 10m trở lên.

b) Đập dâng: Đập dâng có phạm vi phục vụ liên huyện, liên xã hoặc cấp hành chính tương đương. Đập dâng có chiều cao từ 10m trở lên.

c) Trạm bơm: Trạm bơm phục vụ tưới tiêu liên huyện, liên xã hoặc cấp hành chính tương đương. Trạm bơm có tổng lưu lượng từ 3.600m³ /h trở lên hoặc trạm bơm có tổng lưu lượng nhỏ nhưng có công suất động cơ mỗi tổ máy từ 150 KW trở lên.

d) Hệ thống dẫn, chuyển nước: Các trục kênh chính, kênh nhánh, các công trình điều tiết nước, vận chuyển nước thuộc hệ thống công trình thủy lợi liên huyện, liên xã có yêu cầu kỹ thuật về quản lý, vận hành điều tiết phức tạp, tính từ vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến công trình đầu mối của hệ thống công trình thủy lợi.

3. UBND tỉnh phân cấp cho UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) quản lý, khai thác và bảo vệ đê, kè được đầu tư trên địa bàn và các công trình thủy lợi còn lại.

4. UBND tỉnh, UBND cấp huyện quyết định phương thức khai thác công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 23 Luật Thủy lợi; Điều 15 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện), UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi triển khai tổ chức thực hiện quy định này.

b) Căn cứ quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan, hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Đồng Cam phối hợp với UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan lập hồ sơ các công trình thủy lợi thuộc diện chuyển giao quản lý giữa Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Đồng Cam và địa phương để thực hiện bàn giao và nhận bàn giao theo quy định.

c) Hướng dẫn các địa phương thành lập, củng cố, kiện toàn nâng cao năng lực Tổ chức thủy lợi cơ sở, Liên hiệp Tổ chức thủy lợi cơ sở để quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Phối hợp với các địa phương, đơn vị lập kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cho lực lượng tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo đúng quy định.

d) Kiểm tra công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo định kỳ hàng năm trên địa bàn tỉnh, báo cáo kết quả về UBND tỉnh.

2. Các sở, ngành khác Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi thực hiện Quy định này.

3. UBND cấp huyện

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi trên địa bàn được phân cấp theo quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan. Chỉ đạo các địa phương thành lập, củng cố, kiện toàn, sắp xếp và đổi mới quy mô hoạt động của các Tổ chức thủy lợi cơ sở, Liên hiệp Tổ chức thủy lợi cơ sở trên địa bàn đảm bảo đủ điều kiện, năng lực quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định Luật Thủy lợi. Đánh giá, xác định giá trị tài sản các công trình thủy lợi đang

quản lý thuộc diện bàn giao theo hướng dẫn của Sở Tài chính và các quy định hiện hành để thực hiện phân cấp theo đúng quy định.

b) Chủ trì, chỉ đạo việc nhận bàn giao và bàn giao các công trình thủy lợi giữa doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức thủy lợi cơ sở tại địa phương theo Quyết định của UBND tỉnh.

c) Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phối hợp với doanh nghiệp nhà nước xác định vị trí giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi tại các tuyến kênh thuộc hệ thống công trình do doanh nghiệp nhà nước quản lý trên địa bàn để làm cơ sở bàn giao cho địa phương quản lý.

d) Thực hiện củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy theo quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2, Điều 57 Luật Thủy lợi và các quy định khác có liên quan.

4. UBND cấp xã Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 3, Điều 57 Luật Thủy lợi và các quy định khác có liên quan.

5. Đơn vị được UBND tỉnh giao tại khoản 2 Điều 6 quy định này

a) Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan xây dựng danh mục các công trình thủy lợi, các tuyến kênh, công trình trên kênh, vị trí giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc hệ thống công trình do đơn vị quản lý, lập hồ sơ bàn giao theo quy định.

b) Xác định giá trị tài sản các công trình thủy lợi do đơn vị quản lý thuộc diện bàn giao theo quy định hiện hành.

c) Báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có sự thay đổi về hiện trạng công trình và thực trạng quản lý, khai thác công trình thủy lợi đối với các công trình do đơn vị quản lý.

d) Thỏa thuận về tỷ lệ phân chia kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý, khai thác hệ thống dẫn, chuyển nước vượt quy mô thủy lợi nội đồng theo quy định tại Quy định này.

e) Hỗ trợ kỹ thuật, nghiệp vụ cho các tổ chức thủy lợi cơ sở phục vụ công tác quản lý, khai thác.

g) Chủ động đổi mới, kiện toàn tổ chức hoạt động để đáp ứng yêu cầu của Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn liên quan. Xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động có hiệu quả các công trình được giao khai thác và bảo vệ.

6. Các tổ chức, cá nhân khác

a) Tổ chức thủy lợi cơ sở và các tổ chức, cá nhân được giao khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

b) Thực hiện củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy theo quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP.

Điều 8. Quy định chuyển tiếp

Đối với các công trình hồ chứa nước lớn, vừa đã được UBND tỉnh giao cho các địa phương quản lý, khai thác trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì các địa phương tiếp tục quản lý, khai thác. Chậm nhất sau thời gian 02 năm kể từ ngày Quy định này có hiệu lực các địa phương phải đảm bảo năng lực theo quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP. Sau thời gian trên, các địa phương chưa đảm bảo năng lực theo quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP thì phải bàn giao cho đơn vị được UBND tỉnh giao tại khoản 2 Điều 6 quy định này khai thác.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện, các đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, thủ trưởng các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 119/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 21 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án Tăng cường quản lý nhà nước
trong hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

Căn cứ Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng;

Căn cứ Quyết định số 299/QĐ-BTP ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng;

Căn cứ Công văn số 1615/BTP-BTTP ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tư pháp về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 74/TTr-STP ngày 30/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tăng cường quản lý nhà nước trong hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Hội công chứng viên

tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Tăng cường quản lý nhà nước
trong hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh Phú Yên**
*(Kèm theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2022
của UBND tỉnh Phú Yên)*

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

Căn cứ Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng;

Căn cứ Quyết định số 299/QĐ-BTP ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng;

Căn cứ Công văn số 1615/BTP-BTTP ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tư pháp về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng.

2. Cơ sở thực tiễn hoạt động công chứng

Kể từ khi triển khai thi hành Luật Công chứng và thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động công chứng theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, số lượng Văn phòng công chứng và đội ngũ công chứng viên có sự phát triển đáng kể. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Phú Yên có 09 Văn phòng công chứng và 17 công chứng viên đang hành nghề. Trong đó, tại thành phố Tuy Hòa có 05 Văn phòng công chứng ở phường 1, phường 4, phường 5, phường 6, phường 7; thị xã Đông Hòa có 01 Văn phòng công chứng ở phường Hòa Vinh; thị xã Sông Cầu có 02 Văn phòng công chứng ở phường Xuân Yên và phường Xuân Phú; huyện Sông Hinh có 01 Văn phòng công chứng ở thị trấn Hai Riêng.

Thời gian qua, hoạt động công chứng đã góp phần đảm bảo tính an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch dân sự, kinh tế; phòng ngừa tranh chấp, vi phạm

pháp luật; thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội và cải cách hành chính, giảm tải công việc cho UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; từng bước khẳng định vị trí, vai trò của mình trong đời sống xã hội; góp phần thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì hoạt động công chứng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Một số tổ chức, cá nhân chưa nhận thức đầy đủ về giá trị pháp lý của văn bản công chứng, chưa phân biệt được công chứng và chứng thực; các tổ chức hành nghề công chứng tập trung chủ yếu tại thành phố và thị xã, đa số các huyện chưa có tổ chức hành nghề công chứng; một số tổ chức hành nghề công chứng còn vi phạm quy định về lời chứng của công chứng viên chưa đảm bảo đúng mẫu, công chứng ngoài trụ sở không đúng quy định của Luật Công chứng; có Văn phòng công chứng không đảm bảo duy trì điều kiện hoạt động theo quy định; vai trò, trách nhiệm tự quản của Hội công chứng viên tỉnh chưa phát huy trong thực tiễn,...

3. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Trên cơ sở Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch, để tổ chức thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ, Quyết định số 299/QĐ-BTP ngày 05/3/2021 của Bộ Tư pháp; khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về công chứng trong thời gian tới thì việc ban hành Đề án tăng cường quản lý nhà nước trong hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

II. CÁCH THỨC QUẢN LÝ VỀ PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG, ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨNG VIÊN, HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

1. Về phát triển tổ chức hành nghề công chứng

a) Việc phát triển tổ chức hành nghề công chứng bảo đảm ổn định, bền vững, phân bổ hợp lý gắn với sự phát triển kinh tế-xã hội theo địa bàn cấp huyện nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận dịch vụ công chứng, bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch; đồng thời, phải phù hợp với Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng do UBND tỉnh ban hành; không tập trung nhiều tổ chức hành nghề công chứng trên cùng một địa bàn cấp huyện.

b) Có biện pháp hỗ trợ việc thành lập tổ chức hành nghề công chứng tại địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

c) Thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng đối với các Văn phòng công chứng không đảm bảo duy trì điều kiện hoạt động theo quy định tại Khoản 1, Điều 30 Luật Công chứng năm 2014.

2. Về đội ngũ công chứng viên, hành nghề công chứng

a) Tăng cường quản lý nhà nước về tập sự hành nghề công chứng, thẩm định chặt chẽ hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chứng viên nhằm phát triển đội ngũ công chứng viên chất lượng, số lượng, phù hợp với nhu cầu xã hội, gắn việc bảo

đảm quyền hành nghề của công chứng viên với việc chịu trách nhiệm trước pháp luật và người yêu cầu công chứng.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý nghiêm công chứng viên vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tổ chức hành nghề công chứng vi phạm pháp luật.

c) Thường xuyên trao đổi, phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để kịp thời nắm bắt và xử lý triệt để các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động công chứng.

III. VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM TỰ QUẢN CỦA HỘI CÔNG CHỨNG VIÊN TỈNH

1. Hội công chứng viên tỉnh thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật công chứng và Điều lệ Hiệp hội công chứng viên Việt Nam.

2. Phát huy vai trò tự quản của Hội công chứng viên trong việc giám sát hoạt động hành nghề của các công chứng viên; kịp thời phát hiện các tiêu cực trong hoạt động công chứng, kiên quyết đấu tranh với các hành vi vi phạm; xử lý nghiêm các hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức hành nghề công chứng hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

IV. QUAN HỆ PHỐI HỢP VỚI SỞ TƯ PHÁP CỦA HỘI CÔNG CHỨNG VIÊN TỈNH

1. Tăng cường công tác phối hợp giữa Sở Tư pháp và Hội công chứng viên tỉnh trong quản lý nhà nước về hoạt động công chứng. Cụ thể:

a) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền pháp luật về công chứng, chính sách phát triển nghề công chứng; rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động công chứng.

b) Triển khai thực hiện các biện pháp phát triển tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn trên địa bàn tỉnh.

c) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm cho hội viên theo quy định.

d) Hội công chứng viên tỉnh tham gia ý kiến với Sở Tư pháp trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm công chứng viên, thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng, chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng.

2. Hội công chứng viên tỉnh kịp thời báo cáo Sở Tư pháp những trường hợp xử lý vi phạm của Hội đối với công chứng viên; đồng thời, thường xuyên trao đổi để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động công chứng.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CÓ LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện hiệu quả:

- Nội dung tại Mục II, IV, VI Đề án này.

- Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng.

- Chỉ đạo tổ chức hành nghề công chứng thực hiện tốt Quy chế khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực do UBND tỉnh ban hành.

b) Đối với việc phát triển tổ chức hành nghề công chứng, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ nhu cầu công chứng trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh cho phép thành lập tổ chức hành nghề công chứng.

c) Hàng năm chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật thuộc ngân sách cấp tỉnh gửi Sở Tài chính để tham mưu UBND tỉnh giao dự toán ngân sách để tổ chức thực hiện.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp và chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố kịp thời cung cấp thông tin biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho Sở Tư pháp để cập nhật lên Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực.

b) Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức hành nghề công chứng được cung cấp dịch vụ khai thác dữ liệu đất đai bằng Phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp và căn cứ khả năng ngân sách của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh bố trí dự toán kinh phí thường xuyên để thực hiện theo quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức, hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công chứng trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

5. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực công chứng; cung cấp thông tin về tình hình, phương thức, thủ đoạn của các đối tượng lợi dụng hoạt động công chứng để phạm tội.

b) Kịp thời cung cấp thông tin ngăn chặn giao dịch về tài sản để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực.

c) Thông tin cho Sở Tư pháp biết khi có Quyết định khởi tố bị can, Quyết định đình chỉ điều tra đối với công chứng viên để Sở Tư pháp thực hiện thủ tục tạm đình chỉ hành nghề đối với công chứng viên vi phạm theo quy định của Luật Công chứng.

d) Chỉ đạo các đơn vị liên quan tạo điều kiện thuận lợi theo quy định pháp luật để công chứng viên lấy chữ ký theo yêu cầu của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch trong trường hợp người yêu cầu công chứng bị tạm giam, tạm giữ hoặc đang thi hành án hình sự tại Trại tạm giam, nhà tạm giữ.

6. Cục Thuế tỉnh

Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức hành nghề công chứng trong việc thực hiện các nghĩa vụ về thuế; việc quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính theo đúng quy định pháp luật.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Phối hợp với Sở Tư pháp tăng cường phổ biến pháp luật về công chứng, giá trị pháp lý của văn bản công chứng cho toàn thể Nhân dân tại địa phương.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động công chứng tại địa phương.

c) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cung cấp cho Sở Tư pháp thông tin việc hủy bỏ, thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đồng thời, chỉ đạo Phòng Tư pháp, UBND cấp xã thường xuyên cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực.

VI. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THÀNH LẬP TẠI CÁC ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ-XÃ HỘI KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

1. Văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.

2. UBND tỉnh sẽ xem xét, quyết định các biện pháp hỗ trợ đối với Văn phòng công chứng tùy vào từng địa bàn cụ thể theo đúng quy định pháp luật.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai thực hiện Đề án này sử dụng từ nguồn ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp và sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để chỉ đạo, hướng dẫn./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 176/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 27 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực,
ngưng hiệu lực của HĐND, UBND tỉnh Phú Yên năm 2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 49/TTr-STP ngày 14/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2021, gồm:

1. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2021.

2. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
I.1. LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI					
01	Quyết định	- Số 38/2017/QĐ-UBND ngày 18/9/2017; - Ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Giao thông vận tải với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác xử lý hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác, thi công công trình trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Khoản 1 Điều 7; Điểm a, khoản 2 Điều 11; Tiêu đề Điều 12, khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 14; Điều 17	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa Sở Giao thông vận tải với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác xử lý hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác, thi công công trình trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	10/02/2021
I.2. LĨNH VỰC NỘI VỤ					

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
02	Quyết định	- Số 13/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018; - Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định.	Bãi bỏ điểm c khoản 11 Điều 3	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 Bãi bỏ điểm c khoản 11 Điều 3 Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh Phú Yên được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của UBND tỉnh Phú Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh Phú Yên	18/6/2021
03	Quyết định	- Số 31/2020/QĐ-UBND ngày 26/10/2020; - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh Phú Yên.	Bãi bỏ điểm c khoản 11 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 Bãi bỏ điểm c khoản 11 Điều 3 Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh Phú Yên được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số	18/6/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				31/2020/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của UBND tỉnh Phú Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh Phú Yên	
I.3. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
04	Quyết định	- Số 38/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014; - Ban hành Quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng cho mỗi hộ gia đình cá nhân trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Điều 4; Điều 8b	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân; Quy định diện tích, kích thước cạnh thửa đất tối thiểu được phép tách thửa, hợp thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh	20/8/2021
05	Quyết định	- Số 42/2014/QĐ-UBND ngày 6/11/2014; - Ban hành Quy định diện tích, kích thước cạnh thửa đất tối thiểu được phép tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Điều 4; khoản 7 Điều 5; khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 10	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân; Quy định diện tích, kích thước cạnh thửa đất tối thiểu được phép tách thửa, hợp thửa đối với các loại	20/8/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				đất trên địa bàn tỉnh	
			Điều 2	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân; Quy định diện tích, kích thước cạnh thửa đất tối thiểu được phép tách thửa, hợp thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh	20/8/2021
06	Quyết định	- Số 38/2018/QĐ-UBND ngày 10/9/2018; - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 và Quy định diện tích kích thước cạnh thửa đất tối thiểu được phép tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của UBND tỉnh Phú Yên.	Khoản 3 Điều 1; khoản 3 Điều 2; khoản 4 Điều 2; khoản 7 Điều 2; khoản 9 Điều 2	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân; Quy định diện tích, kích thước cạnh thửa đất tối thiểu được phép tách thửa, hợp thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh	20/8/2021
			Khoản 1 Điều 2	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân; Quy định diện tích, kích thước cạnh thửa đất tối thiểu được	20/8/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				phép tách thửa, hợp thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh	
I.4. LĨNH VỰC TƯ PHÁP					
07	Quyết định	- Số 55/2018/QĐ-UBND ngày 15/11/2018; - Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên.	Điểm c khoản 1 Điều 2; điểm a khoản 2 Điều 2; điểm d khoản 14 Điều 2; khoản 15 Điều 2; điểm a, b khoản 16 Điều 2; khoản 17 Điều 2; điểm b khoản 18 Điều 2; điểm a khoản 19 Điều 2; khoản 28 Điều 2; khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 4; Điều 6	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 55/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	04/5/2021
			Thay thế cụm từ “Đăng ký hoạt động” bằng cụm từ “Cấp, cấp lại” tại điểm a khoản 20 Điều 2	Được thay thế bằng Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 55/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	04/5/2021
			Điểm d, điểm e khoản 4, điểm e khoản 12, điểm b khoản 14, điểm c khoản 18, điểm d khoản	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định chức năng, nhiệm vụ,	04/5/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			21 Điều 2	quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 55/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	
Tổng số (I): 07 văn bản					
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: không có					

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN: không có					
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: không có					

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2021**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 27/01/2022
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
I.1. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG					
01	Quyết định	Số 600/2007/QĐ-UBND ngày 29/03/2007	Ủy quyền cho Sở Công nghiệp cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và quản lý sử dụng Giấy phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định 50/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành trong lĩnh vực công thương	30/11/2021
02	Quyết định	Số 215/2010/QĐ-UBND ngày 08/02/2010	Ban hành Quy chế quản lý sử dụng chung cột điện trong phạm vi tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định 50/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành trong lĩnh vực công thương	30/11/2021
03	Quyết định	Số 1281/2010/QĐ-UBND ngày 06/9/2010	Ban hành Quy chế về quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	25/5/2021
04	Quyết định	Số 24/2012/QĐ-UBND ngày 25/09/2012	Ban hành Quy chế xét phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Phú Yên ngành thủ công mỹ nghệ	Bị bãi bỏ bởi Quyết định 50/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do	30/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành trong lĩnh vực công thương	
05	Quyết định	Số 28/2012/QĐ-UBND ngày 20/11/2012	Ban hành Quy định tạm thời về một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất các sản phẩm lưu niệm, đặc sản phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định 50/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành trong lĩnh vực công thương	30/11/2021
06	Quyết định	Số 29/2013/QĐ-UBND ngày 16/9/2013	Ban hành Quy định tiêu chuẩn và Quy định về trình tự, thủ tục công nhận chợ đạt chuẩn văn minh trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định 50/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành trong lĩnh vực công thương	30/11/2021
07	Quyết định	Số 34/2013/QĐ-UBND ngày 11/11/2013	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1281/2010/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2010 của UBND Tỉnh về việc Ban hành Quy định về quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	25/5/2021
08	Quyết định	Số 16/2015/QĐ-UBND ngày 11/5/2015	Ban hành Quy chế về phối hợp nổ mìn để khai thác đá vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực thôn Phú Thạnh, xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	25/5/2021
09	Quyết định	Số 22/2015/QĐ-UBND ngày 30/6/2015	Ban hành quy định một số nội dung về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng đối với lưới điện	Bị bãi bỏ bởi Quyết định 50/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản	30/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			trung áp trên địa bàn tỉnh Phú Yên	quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành trong lĩnh vực công thương	
10	Quyết định	Số 57/2015/QĐ-UBND ngày 26/11/2015	Ban hành Quy định xây dựng, quản lý và chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Phú Yên	30/3/2021
11	Quyết định	Số 19/2016/QĐ-UBND ngày 01/6/2016	Ban hành Quy định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định 50/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành trong lĩnh vực công thương	30/11/2021
12	Quyết định	Số 54/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016	Phân cấp cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định 50/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành trong lĩnh vực công thương	30/11/2021
13	Chỉ thị	Số 10/2007/CT-UBND ngày 29/03/2007	Về việc thực hiện tiết kiệm trong sử dụng điện	Bị bãi bỏ bởi Quyết định 50/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành trong lĩnh vực công thương	30/11/2021
14	Chỉ thị	Số 10/2014/CT-UBND ngày 18/4/2014	Về việc tăng cường công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định 50/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản	30/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành trong lĩnh vực công thương	
I.2. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO					
15	Nghị quyết	Số 48/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016	Ban hành quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập thuộc địa phương quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Được thay thế bằng Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên	19/12/2021
16	Nghị quyết	Số 23/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập do địa phương quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên	19/12/2021
17	Quyết định	Số 44/2019/QĐ-UBND ngày 04/11/2019	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 09/ 8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Yên	20/8/2021
I.3. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ					
18	Quyết định	Số 711/2007/QĐ-UBND ngày 17/04/2007	Ban hành Quy định thời gian giải quyết một số thủ tục đầu tư đối với các dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do	12/6/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			đầu tư trên địa bàn tỉnh Phú Yên	UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	
19	Quyết định	Số <u>475/2008/QĐ-UBND</u> ngày 19/3/2008	Ban hành Quy chế đầu thầu xây dựng công trình thanh toán bằng tiền và quyền sử dụng đất thuộc dự án Hạ tầng đô thị Nam Tuy Hòa - Vũng Rô	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	12/6/2021
20	Quyết định	Số <u>1902/2009/QĐ-UBND</u> ngày 13/10/2009	Quy định một số cơ chế, giải pháp điều hành và kế hoạch triển khai đối với các dự án cấp bách, quan trọng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	12/6/2021
21	Quyết định	Số <u>504/2010/QĐ-UBND</u> ngày 15/04/2010	Điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số <u>1902/2009/QĐ-UBND</u> ngày 13/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh “Về việc quy định một số cơ chế, giải pháp điều hành và kế hoạch triển khai đối với các dự án cấp bách, quan trọng trên địa bàn tỉnh Phú Yên”	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	12/6/2021
22	Quyết định	Số <u>1657/2011/QĐ-UBND</u> ngày 12/10/2011	Ban hành Quy định về giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án đầu tư do tỉnh Phú Yên quản lý	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	12/6/2021
23	Quyết định	Số <u>05/2016/QĐ-UBND</u> ngày	Ban hành Quy định một số tiêu chuẩn	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2021/QĐ-	12/6/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		21/3/2016	đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu trong hồ sơ mời thầu, áp dụng đối với các gói thầu xây lắp thuộc các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý, nhằm lựa chọn được nhà thầu thi công có đủ năng lực	UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	
24	Quyết định	Số 56/2016/QĐ-UBND ngày 07/10/2016	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên	Bị thay thế bằng Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên	20/8/2021
25	Quyết định	Số 80/2016/QĐ-UBND ngày 26/12/2016	Ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn Nhà nước do tỉnh Phú Yên quản lý	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	12/6/2021
26	Quyết định	Số 35/2019/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của UBND tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên	20/8/2021
27	Chỉ thị	Số 41/2007/CT-UBND ngày 11/12/2007	Tổ chức thực hiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do	12/6/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			của Thủ tướng Chính phủ	UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	
28	Chỉ thị	Số <u>26/2011/CT-UBND</u> ngày 21/11/2011	Tổ chức thực hiện công tác đăng ký doanh nghiệp theo Nghị định số <u>43/2010/NĐ-CP</u> ngày 15/4/2010 của Chính phủ	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư	12/6/2021
I.4. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					
29	Quyết định	Số 43/2019/QĐ-UBND ngày 04/11/2019	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Yên	20/8/2021
I.5. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI					
30	Nghị quyết	Số 19/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017	Ban hành Quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo; phương tiện nghe - xem và công tác quản lý giảm nghèo ở cấp xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản	01/01/2021
31	Nghị quyết	Số 20/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017	Ban hành quy định chính sách hỗ trợ các thôn, buôn hoàn thành Chương trình 135 ở các xã đã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thôn, buôn có tỷ lệ hộ nghèo, hộ	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản	01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			cận nghèo cao không thuộc diện Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018-2020		
32	Nghị quyết	Số 22/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017	Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo không có đất ở trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2020	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản	01/01/2021
33	Quyết định	Số 22/2016/QĐ-UBND ngày 20/6/2016	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên	28/9/2021
34	Quyết định	Số 24/2018/QĐ-UBND ngày 25/6/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh	Được thay thế bằng Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên	28/9/2021
35	Quyết định	Số 50/2018/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên	28/9/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Yên		
I.6. LĨNH VỰC NỘI VỤ					
36	Nghị quyết	Số 51/2012/NQ-HĐND ngày 14/09/2012	Về chính sách đào tạo sau đại học trong nước và đào tạo sau đại học ở nước ngoài; chính sách thu hút, sử dụng trí thức	Bị bãi bỏ bởi nghị quyết 08/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh Bãi bỏ Nghị quyết số 51/2012/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2012 và Nghị quyết số 130/2014/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về chính sách đào tạo sau đại học trong nước và đào tạo sau đại học ở nước ngoài; chính sách thu hút, sử dụng trí thức	21/8/2021
37	Nghị quyết	Số 130/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 51/2012/NQ-HĐND, ngày 14/9/2012 của HĐND tỉnh về chính sách đào tạo sau đại học trong nước và đào tạo sau đại học ở nước ngoài; chính sách thu hút, sử dụng trí thức	Bị bãi bỏ bởi nghị quyết 08/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh Bãi bỏ Nghị quyết số 51/2012/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2012 và Nghị quyết số 130/2014/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về chính sách đào tạo sau đại học trong nước và đào tạo sau đại học ở nước ngoài; chính sách thu hút, sử dụng trí thức	21/8/2021
38	Quyết định	Số 08/2013/QĐ-UBND ngày 18/04/2013	Ban hành Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Phú Yên có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ	Được thay thế bằng Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 9/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và	25/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				người lao động trong cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	
39	Quyết định	Số 25/2014/QĐ-UBND ngày 11/8/2014	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Phú Yên có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được ban hành kèm theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 của UBND tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 9/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	25/11/2021
40	Quyết định	Số 04/2018/QĐ-UBND ngày 02/02/2018	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 8/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên	22/11/2021
41	Quyết định	Số 51/2019/QĐ-UBND ngày 04/12/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh	Được thay thế bằng Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 8/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên	22/11/2021
I.7. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
42	Nghị quyết	Số 169/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015	Ban hành Chính sách hỗ trợ chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2016-2020	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản	01/01/2021
43	Nghị	Số	Ban hành Chính sách	Hết thời hạn có hiệu lực	01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
	quyết	170/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015	hỗ trợ phát triển lúa giống, giai đoạn 2016-2020 tỉnh Phú Yên	đã được quy định trong văn bản	
44	Nghị quyết	Số 36/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Ban hành Quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	15/10/2021
45	Nghị quyết	Số 10/2018/NQ-HĐND ngày 27/9/2018	Quy định mức hỗ trợ công trình phúc lợi cho các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới và xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bởi nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ công trình phúc lợi cho các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới và xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu năm 2021 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	15/10/2021
46	Nghị quyết	Số 19/2018/NQ-HĐND ngày 7/12/2018	Quy định bảng giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định bảng giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	21/8/2021
47	Quyết định	Số 405/2008/QĐ-UBND ngày 05/03/2008	Ban hành Quy chế quản lý vận hành các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành	20/8/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	
48	Quyết định	Số <u>2377/2009/QĐ-UBND</u> ngày 25/12/2009	Phân cấp quản lý tàu cá, lồng, bè nuôi trồng thủy sản và các cấu trúc nổi khác phục vụ cho hoạt động thủy sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	20/8/2021
49	Quyết định	Số <u>253/2010/QĐ-UBND</u> ngày 25/02/2010	Về việc quy định mức trợ cấp gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở miền núi tham gia Dự án trồng rừng thay thế nương rẫy, thuộc Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	20/8/2021
50	Quyết định	Số <u>409/2010/QĐ-UBND</u> ngày 22/3/2010	Ban hành Quy định tổ chức, hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	20/8/2021
51	Quyết định	Số <u>447/2010/QĐ-UBND</u> ngày 31/3/2010	Ban hành Quy định cơ chế chính sách và mức hỗ trợ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	20/8/2021
52	Quyết định	Số <u>751/2011/QĐ-UBND</u> ngày 11/5/2011	Ban hành Quy định nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ	20/8/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			bản tỉnh	các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	
53	Quyết định	Số <u>02/2012/QĐ-UBND</u> ngày 05/01/2012	Về mức phụ cấp cho cán bộ, công chức tham gia Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	20/8/2021
54	Quyết định	Số <u>08/2012/QĐ-UBND</u> ngày 07/5/2012	Ban hành Quy định về tiêu chí, quy trình xét chọn cá nhân, tổ chức thực hiện các dự án khuyến nông của tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	20/8/2021
55	Quyết định	Số <u>50/2015/QĐ-UBND</u> ngày 16/11/2015	Sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Quyết định số <u>02/2012/QĐ-UBND</u> ngày 05/01/2012 của UBND tỉnh về mức phụ cấp cho cán bộ, công chức tham gia Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	20/8/2021
56	Quyết định	Số <u>29/2016/QĐ-UBND</u> ngày 07/7/2016	Ban hành Quy định tiêu chí xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển	20/8/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				nông thôn	
57	Quyết định	Số <u>46/2016/QĐ-UBND</u> ngày 07/9/2016	Ban hành quy định quản lý phân bón trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	20/8/2021
58	Quyết định	Số <u>03/2017/QĐ-UBND</u> ngày 13/11/2017	Bãi bỏ một số điều tại Quy định quản lý phân bón trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số <u>46/2016/QĐ-UBND</u> ngày 07/9/2016 của UBND tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	20/8/2021
59	Quyết định	Số <u>11/2017/QĐ-UBND</u> ngày 23/3/2017	Khung giá, quản lý và sử dụng giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh (được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước)	Được thay thế bằng quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh quy định khung giá, quản lý và sử dụng giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Phú Yên (được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước)	01/01/2021
60	Quyết định	Số <u>41/2017/QĐ-UBND</u> ngày 27/9/2017	Ban hành Quy chế quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	20/8/2021
61	Quyết định	Số <u>49/2017/QĐ-UBND</u> ngày 08/11/2017	Quy định định mức thiết kế kỹ thuật và dự toán mức hỗ trợ vốn để thực hiện công trình lâm sinh	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản	01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			thuộc Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên		
62	Quyết định	Số 48/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	Quy định mức hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016- 2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản	01/01/2021
63	Quyết định	Số 54/2018/QĐ-UBND ngày 14/11/2018	Quy định tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá một số loài cây giống lâm nghiệp phục vụ trồng rừng trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2018-2020	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản	01/01/2021
64	Quyết định	Số 56/2019/QĐ-UBND Ngày 02/7/2019	Quy định về nguyên tắc và phương pháp áp dụng đơn giá bồi thường các loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND Ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 56/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh quy định về nguyên tắc và phương pháp áp dụng đơn giá bồi thường các loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	23/9/2021
65	Chỉ thị	Số <u>12/2003/CT-UBND</u> ngày 10/6/2003	Về việc triển khai thực hiện Chỉ thị <u>12/2003/CT-TTg</u> của Thủ tướng Chính phủ	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm	20/8/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	
66	Chỉ thị	Số <u>16/2006/CT-UBND</u> ngày 17/5/2006	Về việc tăng cường quản lý bảo vệ rừng và kiểm tra truy quét các tổ chức, cá nhân phá rừng, đốt rừng, khai thác lâm sản trái phép	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	20/8/2021
I.8. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH					
67	Nghị quyết	Số 139/2009/NQ-HĐND ngày 18/12/2009	Ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên thuộc lĩnh vực tài chính	19/12/2021
68	Nghị quyết	Số 148/2010/NQ-HĐND ngày 16/07/2010	Ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên thuộc lĩnh vực tài chính	19/12/2021
69	Nghị quyết	Số 162/2010/NQ-HĐND ngày 18/10/2010	Sửa đổi Nghị quyết số 139/2009/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên thuộc lĩnh vực tài chính	19/12/2021
70	Nghị quyết	Số 106/2014/NQ-HĐND ngày	Quy định nội dung chi, mức chi phục vụ hoạt động cải cách	Bị bãi bỏ bởi nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của	19/12/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		25/7/2014	hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh	HĐND tỉnh bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên thuộc lĩnh vực tài chính	
71	Nghị quyết	Số 145/2015/NQ-HĐND ngày 1/7/2015	Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thăm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên thuộc lĩnh vực tài chính	19/12/2021
72	Nghị quyết	Số 54/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016	Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa các cấp chính quyền địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2017 đến năm 2020	Được thay thế bằng Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Phú Yên trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025	25/10/2021
73	Nghị quyết	Số 35/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Quy định việc phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2017 đến năm 2020	Được thay thế bằng Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Phú Yên trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025	25/10/2021
74	Quyết định	Số 1146/2005/QĐ-UBND ngày 13/9/2005	Quy định mức chi công tác phổ cập giáo dục THCS áp dụng tại địa phương	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND	20/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	
75	Quyết định	Số 1379/2007/QĐ-UBND ngày 03/07/2007	Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
76	Quyết định	Số 1423/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; Khai thác sử dụng nước mặt; Xả nước thải vào nguồn nước	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
77	Quyết định	Số 1424/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
78	Quyết định	Số 1425/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
79	Quyết định	Số 1426/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân	20/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	
80	Quyết định	Số 1427/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
81	Quyết định	Số 1428/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
82	Quyết định	Số 1429/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
83	Quyết định	Số 1430/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
84	Quyết định	Số 1432/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu lệ phí cấp biên số nhà	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài	20/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				chính	
85	Quyết định	Số 1433/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
86	Quyết định	Số 1434/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu lệ phí địa chính	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
87	Quyết định	Số 1435/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu lệ phí hộ tịch	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
88	Quyết định	Số 1436/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu phí đấu giá	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
89	Quyết định	Số 1437/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu phí thẩm định kết quả đấu thầu	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
90	Quyết định	Số 1438/2007/QĐ-UBND ngày 09/08/2007	Quy định mức thu phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
91	Quyết định	Số 1571/2007/QĐ-UBND ngày 28/08/2007	Quy định mức chi trợ cấp cho cán bộ thuộc diện quy hoạch, cử đi học tập trung dài hạn ngoài tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
92	Quyết định	Số 1146/2008/QĐ-UBND ngày 25/07/2008	Quy định mức thu, quản lý, sử dụng lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
93	Quyết định	Số 2186/2008/QĐ-UBND ngày 25/12/2008	Quy định tỷ lệ thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
94	Quyết định	Số 2187/2008/QĐ-UBND ngày 25/12/2008	Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
95	Quyết định	Số 2188/2008/QĐ-	Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-	20/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		UBND ngày 25/12/2008	đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh	UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	
96	Quyết định	Số 2189/2008/QĐ-UBND ngày 25/12/2008	Quy định mức thu, quản lý, sử dụng lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
97	Quyết định	Số 124/2009/QĐ-UBND ngày 17/01/2009	Quy định mức chi từ ngân sách nhà nước cho công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
98	Quyết định	Số 125/2009/QĐ-UBND ngày 17/01/2009	Quy định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp dạy nghề của Trường Cao đẳng Nghề Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
99	Quyết định	Số 1730/2009/QĐ-UBND ngày 18/09/2009	Quy định giá tính thuế tài nguyên các loại lâm sản, khoáng sản, nước thiên nhiên và giá xử lý lâm sản tích thu áp dụng trên địa bàn tỉnh.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
100	Quyết định	Số 230/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND	20/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Phú Yên	tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	
101	Quyết định	Số 1102/2010/QĐ-UBND ngày 09/08/2010	Ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
102	Quyết định	Số 1103/2010/QĐ-UBND ngày 09/08/2010	Ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
103	Quyết định	Số 1135/2010/QĐ-UBND ngày 13/08/2010	Ban hành mức thu học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập từ năm học 2010-2011 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
104	Quyết định	Số 751/2011/QĐ-UBND ngày 11/05/2011	Ban hành Quy định nội dung chỉ, mức chi hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
105	Quyết định	Số 2186/2011/QĐ-UBND ngày 23/12/2011	Ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản tàu thuyền, xe ô tô, xe hai bánh gắn máy trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân	20/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	
105	Quyết định	Số 27/2012/QĐ-UBND ngày 24/10/2012	Quy định thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu để mua sắm tài sản theo phân cấp tại Quyết định số 232/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh về việc phân cấp quản lý Nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, tổ chức và đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
107	Quyết định	Số 28/2014/QĐ-UBND ngày 29/8/2014	Sửa đổi Quyết định số 230/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND Tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Phú Yên theo Nghị quyết số 162/2010/NQ-HĐND ngày 18/10/2010 của HĐND tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
108	Quyết định	Số 09/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng và quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị	Được thay thế bằng Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên	20/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án thuộc phạm vi tỉnh quản lý	dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án thuộc phạm vi tỉnh quản	
				Được thay thế bằng Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên	04/12/2021
109	Quyết định	25/2017/QĐ-UBND ngày 03/6/2017	Về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng và quy định tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án thuộc phạm vi tỉnh quản lý	Được thay thế bằng Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án thuộc phạm vi tỉnh quản	20/11/2021
110	Quyết định	Số 53/2017/QĐ-UBND ngày 17/11/2017	sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng và quy định tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan nhà nước, tổ chức,	Được thay thế bằng Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án thuộc phạm vi tỉnh quản	20/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án thuộc phạm vi tỉnh quản lý		
111	Quyết định	Số 27/2018/QĐ-UBND ngày 05/7/2018	Quy định về hình thức cấp phát, tiến độ cấp phát kinh phí từ ngân sách nhà nước và lập, xét duyệt, thẩm định, thông báo quyết toán năm đối với Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành thuộc lĩnh vực tài chính	20/11/2021
112	Quyết định	Số 03/2020/QĐ-UBND ngày 21/01/2020	Ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2020	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 Ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2021	11/4/2021
113	Quyết định	Số 37/2020/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 Ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2021	11/4/2021
114	Quyết định	số 02/2021/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2021	11/4/2021
1.9. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
115	Quyết định	Số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà	Được thay thế bằng Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND	05/10/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
116	Quyết định	Số 45/2017/QĐ-UBND ngày 17/10/2017	Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên	15/01/2021
I.10. LĨNH VỰC TƯ PHÁP					
117	Quyết định	Số 35/2013/QĐ-UBND ngày 13/11/2013	Ban hành Quy định về cộng tác viên dịch thuật và khung mức thù lao dịch thuật trên địa bàn tỉnh	Được thay thế bằng Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định khung mức thù lao dịch thuật, phiên dịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên	23/9/2021
118	Quyết định	Số 46/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014	Ban hành Quy chế thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản	Bị bãi bỏ bởi 27/2021/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ	25/8/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			lý cư trú cho trẻ em dưới 6 tuổi của tỉnh Phú Yên	Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú cho trẻ em dưới 6 tuổi của tỉnh Phú Yên	
119	Quyết định	Số 51/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014	Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết việc đăng ký kết hôn, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và cấp phiếu lý lịch tư pháp theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Phú Yên	25/8/2021
120	Quyết định	Số <u>53/2014/QĐ-UBND</u> ngày 25/12/2014	Ban hành Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 01/3/2021 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Yên	12/3/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
121	Quyết định	Số 32/2016/QĐ-UBND ngày 07/7/2016	Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy chế phối hợp giải quyết việc đăng ký kết hôn, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Phú Yên	25/8/2021
122	Quyết định	Số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/9/2016	Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về công tác viên dịch thuật và khung mức thù lao dịch thuật trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 35/2013/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định khung mức thù lao dịch thuật, phiên dịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên	23/9/2021
123	Quyết định	Số 05/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017	Ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 Quy chế phối hợp xây dựng, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Yên	08/11/2021
I.11. LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH					
124	Quyết định	Số 28/2003/QĐ-UB	Ban hành Quy chế hoạt động xã hội hóa	Bị bãi bỏ bởi Quyết	19/8/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		Ngày 09/10/2003	công tác thư viện tỉnh Phú Yên	định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	
125	Quyết định	Số 1378/2010/QĐ-UBND ngày 15/09/2010	Ban hành Quy định tạm thời về hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	19/8/2021
126	Quyết định	Số 32/2011/QĐ-UBND ngày 06/01/2011	Sửa đổi một số điều của Quy định tạm thời về hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	19/8/2021
127	Chỉ thị	Số 13/2002/CT-UB Ngày 11/06/2002	Về việc tăng cường công tác thư viện trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm	19/8/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	
128	Chỉ thị	Số <u>24/2009/CT-UBND</u> ngày 13/8/2009	Về việc tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	19/8/2021

I.12. LĨNH VỰC XÂY DỰNG

129	Quyết định	Số 55/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014	Ban hành Đơn giá nhà và công trình xây dựng gắn liền trên đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Bộ đơn giá nhà, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Phú Yên	01/9/2021
130	Quyết định	Số 38/2015/QĐ-UBND ngày 25/9/2015	Ban hành bổ sung đơn giá Nhà và công trình gắn liền trên đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Bộ đơn giá nhà, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Phú Yên	01/9/2021
131	Quyết định	Số 16/2017/QĐ-UBND ngày 28/4/2017	Ban hành Quy định về cấp Giấy phép xây dựng ; điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xây dựng; Giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 Ban hành quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên	10/11/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				địa bàn tỉnh Phú Yên	
132	Quyết định	Số 07/2018/QĐ-UBND ngày 12/02/2018	Ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý	Được thay thế bằng Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý	06/9/2021
133	Quyết định	Số 25/2019/QĐ-UBND ngày 03/7/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp Giấy phép xây dựng; điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xây dựng; Giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	10/11/2021
I.13. LĨNH VỰC KHÁC					
134	Quyết định	Số 1165/2013/QĐ-UBND ngày 10/07/2013	Ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên	01/10/2021
135	Quyết định	Số 42/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015	Ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố và	08/02/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
Tổng số (I): 135 văn bản					
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ: không có					

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ: không có					
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ: không có					

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 250/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 17 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Tài nguyên và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 37/TTr-STNMT ngày 28/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 250/QĐ-UBND ngày 17/02/2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1. Lĩnh vực Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý						
1	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	a) Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. b) Về gia hạn/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên, 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.go.v.vn - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2021/NĐCP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.	- Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 88/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
2	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và	Ngày trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thông		Biểu mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ	- Luật Đo đạc và bản đồ. - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3	

	bản đồ	nhất bên cầu cấp	với yêu cung		ban hành kèm theo Thông tư số tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ 33/2019/TT-BTC ngày 10	năm 2019 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ - Thông tư số 196/2016/TTBTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 33/2019/TTBTC ngày 10 tháng 6 năm 2019 và Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.	của Bộ Tài nguyên và Môi trường
--	--------	---------------------------	--------------------	--	---	--	---------------------------------

VĂN PHÒNG UBND TỈNH PHÚ YÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 07 Độc Lập, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;

Điện thoại: 057.3828747;

Fax: 057.3824842;

Email: congbao@phuyen.gov.vn;

Website: <http://congbao.phuyen.gov.vn>;

In tại: Trung tâm Truyền thông.